

Bản án số: **44/2020/KDTM-PT**

Ngày: 14/5/2020.

V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Ông Lê Thanh Bình

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Giang- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh -Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 69/2020/KTPT ngày 11/3/2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2020/QĐXX-PT ngày 24/4/2020 giữa:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng T .

Trụ sở: số 89 L, phường L1, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, VBb Hội sở.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1993, ông Phan Văn N - Cán bộ xử lý nợ. Giấy ủy quyền số 7164/2020/UQ-VPB ngày 13/05/2020. Ông K có mặt, ông N vắng mặt.

* *Bị đơn:* Công ty cổ phần đầu tư và Thương mại Quốc tế S .

Địa chỉ: số 25, ngõ 106, phố C, quận Đ, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công S - Giám đốc. Ông S có mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Công S , sinh năm 1985; Địa chỉ: số nhà 25, ngõ 106, phố Chùa Láng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Ông S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

1. Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng T (VBb) có yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư và Thương mại Quốc tế S (gọi tắt là Công ty S) do ông Nguyễn Công S người đại diện theo pháp luật, cụ thể: Theo Hợp đồng vay từng lần số 010917-476204-01- SME ngày 08/9/2017; phụ lục hợp đồng số 01/PLHD, về việc: Sửa đổi bổ sung cho hợp đồng vay từng lần và khế ước nhận nợ số 080917-476204-01- SME ngày 08/9/2017, Công ty S vay vốn của VPB với số tiền là: 500.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng (tính từ ngày 08/9/2017 đến ngày 08/9/2020). Lãi suất cho vay trong hạn: 26,5%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức sau: Mức lãi suất sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 08/10/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 19%/năm.

Biện pháp đảm bảo cho khoản vay nêu trên: Theo hợp đồng bảo lãnh số 010917-476204-01-SME/HĐBL ngày 08/9/2017, ông Nguyễn Công S đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty S trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: Trả nợ gốc, lãi, các khoản phí tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác - của Công ty S với VPB phát sinh từ hợp đồng cho vay từng lần số 010917-476204-01- SME ngày 08/9/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty S và VPB bao gồm cả các phụ lục, văn bản, sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty S đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với VPB kể từ ngày 05/6/2018. Do đó, VPB đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 25/9/2019, Công ty S đã trả VPB số tiền như sau: Nợ gốc: 220.973.268 đồng; Nợ lãi: 80.652.712 đồng; Phạt chậm trả: 174.647 đồng. Tổng cộng: 301.800.627 đồng.

Công ty S còn nợ VPB số tiền, cụ thể: Nợ gốc: 279.026.732 đồng; Nợ lãi: 191.581.960 đồng; Phạt chậm trả: 14.563.648 đồng; Tổng cộng: 485.172.341 đồng.

Đề nghị Tòa buộc Công ty S trả VPB tổng số tiền 485.172.341 đồng. Trong trường hợp Công ty S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPB, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Công S có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty S toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên

Đề nghị Tòa án tực tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên cho đến khi Công ty S thanh toán hết nợ cho VPB. Trong trường hợp Công ty S, ông Nguyễn Công S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPB thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty S, ông Nguyễn Công S để thu hồi khoản nợ vay.

2. Đại diện bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Công S bày:

Công ty cổ phần đầu tư và Thương mại Quốc tế S có ký hợp đồng cho vay từng lần, phụ lục hợp đồng với Ngân hàng T - Chi nhánh Thăng Long -Phòng giao

dịch Trung Hòa, Nhân Chính với tổng số tiền vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Mục đích vay là để bổ sung nguồn vốn hoạt động Công ty. Sau khi ký hợp đồng Công ty được giải ngân số tiền trên, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo khế ước nhận nợ là 26,5%.

Biện pháp đảm bảo cho khoản vay: Theo hợp đồng bảo lãnh số 010917-476204- 01-SME/HĐBL ngày 08/9/2017, phụ lục hợp đồng số 01, tôi (Nguyễn Công Sơn) đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty S trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: Trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác - của Công ty S với VPB phát sinh từ hợp đồng cho vay từng lần số 010917- 476204-01-SME ngày 08/9/2017.

Sau khi vay Công ty đã thanh toán theo bản tổng hợp bên VPB cung cấp: Nợ gốc: 220.973.268 đồng; Nợ lãi: 80.652.712 đồng; Tiền phạt chậm trả: 174.647 đồng; Tổng cộng số tiền đã thanh toán là 301.800.627 đồng.

Nay Công ty còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là: 279.026.732 đồng.

Việc khởi kiện của Ngân hàng là do Công ty S trả chậm theo hợp đồng đã ký. Lý do trả chậm là do Công ty S làm ăn thua lỗ, Công ty sẽ có trách nhiệm và cố gắng thanh toán trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ gốc trong thời hạn 12 tháng. Công ty S đề nghị phía Ngân hàng miễn toàn bộ khoản lãi suất phát sinh.

Tại Bản án sơ thẩm số 70/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, về việc “Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng cho vay từng lần” của Ngân hàng T đối với Công ty cổ phần đầu tư và Thương mại Quốc tế S.

2. Buộc bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và Thương mại Quốc tế S phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc, tiền lãi, tiền phạt chậm trả số tiền 369.756.732 đồng (trong đó số tiền gốc là 279.026.732 đồng, tiền lãi là 82.482.000 đồng, tiền phạt chậm trả là 8.248.000 đồng).

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án Ngân hàng T có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại quốc tế S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông Nguyễn Công S có nghĩa vụ trả thay cho Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại quốc tế S theo hợp đồng bảo lãnh số 010917-476204-01- SME/HĐBL ngày 08/9/2017. Trường hợp Công ty S và ông Nguyễn Công S không thực hiện hoặc thực không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Công S.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bản án người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi trả xong khoản nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 05/12/2019, nguyên đơn/VPB kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về lãi suất.

** Tại tòa án cấp phúc thẩm và phiên tòa hôm nay:*

Tòa án tiến hành hòa giải các bên nhưng không thành, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ.

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Nguyễn Công S trình bày: xác nhận nợ gốc còn đang nợ là 279.026.732 đồng; Tòa án sơ thẩm xử như vậy là có căn cứ nên không kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị: lãi suất cho vay của nguyên đơn là quá cao, bản án sơ thẩm xử là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, Tòa án sơ thẩm viện dẫn điều luật áp dụng là không đúng cần phải rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

- Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn là Công ty CP đầu tư và thương mại quốc tế S, có địa chỉ tại số 25, ngõ 106 phố C, quận Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Đ thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- VPB và Công ty S ký kết hợp đồng vay từng lần số 010917-476204-01-SME ngày 08/9/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ về việc: Sửa đổi bổ sung cho hợp đồng vay từng lần và khế ước nhận nợ số 080917-476204-01- SME ngày 08/9/2017, cụ thể Công ty S vay VPB số tiền là 500.000.000 đồng; Thời hạn vay: 36 tháng (tính từ ngày 08/9/2017 đến ngày 08/9/2020); Lãi suất cho vay trong hạn: 26,5%/năm. Lãi suất được thay đổi theo phương thức: Mức lãi suất sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 08/10/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 19%/năm.

Xét nội dung hợp đồng tín dụng không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với nhu cầu của bên vay và điều kiện kinh doanh của bên cho vay. Thời điểm ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, Công ty S vay số tiền 500.000.000 đồng và ký khế ước nhận nợ số: 080917-476204-01- SME ngày 08/9/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay đã thanh toán trả Ngân hàng theo đúng các điều khoản trong hợp đồng một thời gian, cụ thể: Nợ gốc là 220.973.268 đồng; Nợ lãi là 80.652.712 đồng; Tiền phạt chậm trả là 174.647 đồng. Tổng cộng số tiền đã thanh toán là 301.800.627 đồng.

Sau đó, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho VPB kể từ ngày 05/6/2018. Căn cứ quy định trong hợp đồng mà các bên ký kết thì Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn; Theo điểm 10 Điều 2 của Hợp đồng cho vay số 010917-476204-01-SME ngày 08/9/2017 ngân hàng chuyển khoản vay sang nợ quá hạn, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán toàn bộ khoản vay là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, xác định số tiền nợ gốc của Công ty S là 279.026.732 đồng và buộc Công ty S phải thanh toán khoản tiền này cho Ngân hàng như Tòa án sơ thẩm tuyên là có căn cứ.

- Về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn qua xem xét thấy quan hệ tranh chấp giữa ngân hàng và Công ty S là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên cần áp dụng các quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn liên quan để giải quyết tranh chấp này.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định về lãi suất thì các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Đây là khoản vay giao kết từ ngày 08/9/2017 sau ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực và là khoản vay trung hạn. Tại Điều 7 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định: Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng luật các tổ chức tín dụng... khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng thì Tòa án áp dụng quy định của Luật các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật dân sự 2005 và 2015 để xác định lãi, lãi suất.

Theo Bộ luật dân sự năm 2015 thì khi chậm trả thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phí phạt chậm trả nếu có thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Đối với mức lãi suất cho vay, theo khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định: tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo nhu cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều 13, mà khoản 2 Điều 13 thì Ngân hàng Nhà nước chỉ quy định lãi suất cho vay tối đa trong trường hợp khoản vay ngắn hạn trong khi đó khoản vay mà Công ty S vay là trung hạn (36 tháng). Như vậy, thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về việc áp dụng lãi suất cho vay và đã được VPB tính toán, thực hiện theo đúng hợp đồng, theo từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất của bên cho vay và phù hợp với quy định về áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm điều chỉnh. Tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm đã giải thích cho nguyên đơn về việc tình hình kinh doanh của bị đơn cũng như hiện

nay tình hình kinh tế xã hội nói chung là có khó khăn nhất là dịch bệnh COVID-19 làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và Nhà nước cũng có chủ trương giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ doanh nghiệp trong thời điểm này và đề nghị phía nguyên đơn xem xét phương án hỗ trợ giảm lãi cho bị đơn; Tuy nhiên nguyên đơn có quan điểm đây là khoản vay tín chấp có đặc thù riêng và căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết nên không đồng ý giảm lãi cho vay.

Với các phân tích trên, thấy trong vụ án này cần áp dụng các quy định về lãi suất theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng luật các tổ chức tín dụng để giải quyết chứ không phải áp dụng mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 như Tòa án cấp sơ thẩm nêu dẫn và đã tuyên. Do vậy, cần phải xác định lại lãi suất theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng, buộc Công ty S phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, cụ thể như sau: Nợ gốc: 279.026.732 đồng; Nợ lãi trong hạn: 15.750.766 đồng; Nợ lãi quá hạn (tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/11/2019): 195.581.637 đồng; Phạt chậm trả: 18.117.163 đồng; Tổng cộng là 508.476.298 đồng.

- Về yêu cầu xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Công S để thu hồi khoản nợ vay theo Hợp đồng bảo lãnh số 010917-476204-01-SME/HDBL ngày 08/9/2017: ông Nguyễn Công S đã tự nguyện ký hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng, theo đó bên bảo lãnh là ông Nguyễn Công S đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty S trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty S với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng và khế ước nhận nợ.

Xét thấy việc ký hợp đồng bảo lãnh giữa Ông S và Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp với quy định tại Điều 335, 336 Bộ Luật dân sự 2015. Theo Điều 2 về nghĩa vụ của bên bảo lãnh của Hợp đồng bảo lãnh, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng. Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng về trường hợp Công ty S không thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền trên thì Ông S phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty S. Trường hợp Ông S không thanh toán, hoặc thanh toán đủ số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty S và sau đó là ông Nguyễn Công S để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 342 Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Kết luận của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên toà hôm nay không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[3]. Về án phí:

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 38; Điều 147; Điều 148; Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 335, 336, 342, 366 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 3, Điều 51; Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 60 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 70/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Đ , thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với Công ty CP đầu tư và thương mại quốc tế S .

Buộc Công ty CP đầu tư và thương mại quốc tế S phải trả nợ cho Ngân hàng T theo Hợp đồng tín dụng vay từng lần số 010917-476204-01-SME ngày 08/9/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ và khế ước nhận nợ số 080917-476204-01- SME ngày 08/9/2017, cụ thể như sau:

Nợ gốc: 279.026.732 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 15.750.766 đồng;

Nợ lãi quá hạn (tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/11/2019): 195.581.637 đồng;

Phạt chậm trả: 18.117.163 đồng;

Tổng cộng là 508.476.298 đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

2. Trường hợp Công ty CP đầu tư và thương mại quốc tế S không trả được nợ và ông Nguyễn Công S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty CP đầu tư và

thương mại quốc tế S sau đó là của ông Nguyễn Công S để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

Công ty CP đầu tư và thương mại quốc tế S phải chịu 24.339.052 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng T được hoàn trả 11.560.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0008982 ngày 25/8/2019 và 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 09797 ngày 10/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 14/5/2020.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- Dương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Minh Thành